

**DANH SÁCH NHÂN SỰ THAM GIA**  
**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÂN TÀI SỐ - GOOGLE CAREER CERTIFICATES**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-DHQN ngày tháng 8 năm 2026 của Trường Đại học Quy Nhơn)

**1. Giảng viên, chuyên viên, người lao động**

| STT | Họ và tên              | Khoa/Đơn vị              |
|-----|------------------------|--------------------------|
| 1   | Trần Thiên Thành       | Khoa Công nghệ thông tin |
| 2   | Trần Đình Luyện        | Khoa Công nghệ thông tin |
| 3   | Nguyễn Thị Tuyết       | Khoa Công nghệ thông tin |
| 4   | Phạm Văn Việt          | Khoa Công nghệ thông tin |
| 5   | Vũ Sơn Lâm             | Khoa Công nghệ thông tin |
| 6   | Phùng Văn Minh         | Khoa Công nghệ thông tin |
| 7   | Đinh Thị Hồng Huyền    | Khoa Công nghệ thông tin |
| 8   | Đoàn Thị Thu Cúc       | Khoa Công nghệ thông tin |
| 9   | Võ Thị Ngọc Hiền       | Khoa Công nghệ thông tin |
| 10  | Nguyễn Thanh Bình      | Khoa Công nghệ thông tin |
| 11  | Võ Thị Mỹ              | Khoa Công nghệ thông tin |
| 12  | Lê Xuân Việt           | Khoa Công nghệ thông tin |
| 13  | Trần Thị Liên          | Khoa Công nghệ thông tin |
| 14  | Bùi Thị Thuý Hằng      | Khoa GDTH & MN           |
| 15  | Huỳnh Thị Anh Thư      | Khoa GDTH & MN           |
| 16  | Lê Thị Trí Hoa         | Khoa GDTH & MN           |
| 17  | Đào Ngọc Hân           | Khoa GDTH & MN           |
| 18  | Phạm Thị Thu Hà        | Khoa GDTH & MN           |
| 19  | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh     | Khoa GDTH & MN           |
| 20  | Nguyễn Thị Phương Thảo | Khoa GDTH & MN           |
| 21  | Nguyễn Trọng Thuý      | Khoa giáo dục thể chất   |
| 22  | Bùi Trọng Duy          | Khoa giáo dục thể chất   |
| 23  | Nguyễn Ngọc Châu       | Khoa giáo dục thể chất   |
| 24  | Mai Thế Anh            | Khoa giáo dục thể chất   |
| 25  | Lê Thu Hải             | Khoa Giáo dục thể chất   |
| 26  | Huỳnh Hà Phương Linh   | Khoa Giáo dục thể chất   |
| 27  | Hoàng Thị Thuý         | Khoa Giáo dục thể chất   |
| 28  | Huỳnh Thị Minh Thành   | Khoa Khoa học Tự nhiên   |
| 29  | Phan Văn Thơ           | Khoa Khoa học Tự nhiên   |
| 30  | Đinh Quốc Việt         | Khoa Khoa học Tự nhiên   |
| 31  | Nguyễn Trọng Đợi       | Khoa Khoa học Tự nhiên   |
| 32  | Đặng Nguyên Thoại      | Khoa Khoa học Tự nhiên   |
| 33  | Nguyễn Thị Tường Vi    | Khoa Khoa học Tự nhiên   |

| STT | Họ và tên              | Khoa/Đơn vị            |
|-----|------------------------|------------------------|
| 34  | Lê Duy Thanh           | Khoa Khoa học tự nhiên |
| 35  | Đỗ Tấn Nghị            | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 36  | Trương Thị Cẩm Mai     | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 37  | Nguyễn Văn Lượng       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 38  | Dương Tiến Thạch       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 39  | Trương Thị Thùy Trang  | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 40  | Nguyễn Thị Huyền       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 41  | Bùi Thị Diệu Hiền      | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 42  | Trương Quang Hiến      | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 43  | Nguyễn Thị Phương Hiền | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 44  | Phạm Anh Vũ            | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 45  | Võ Văn Chí             | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 46  | Huỳnh Thị Lan Phương   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 47  | Trương Thị Huệ         | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 48  | Lê Thị Cẩm Nhung       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 49  | Nguyễn Vũ Ngọc Mai     | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 50  | Lê Thị Ngọc Loan       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 51  | Võ Thị Hồng Phượng     | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 52  | Phạm Thị Minh Tâm      | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 53  | Ung Thị Huệ            | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 54  | Phan Phước Minh Hiệp   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 55  | Hoàng Đức An           | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 56  | Nguyễn Thị Xuân Huynh  | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 57  | Trương Thanh Tâm       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 58  | Đặng Ngô Bảo Toàn      | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 59  | Võ Thị Trọng Hoa       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 60  | Đỗ Thị Diễm Thuý       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 61  | Trần Thị Thu Hiền      | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 62  | Nguyễn Thị Vương Hoàn  | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 63  | Huỳnh Thị Thanh Trà    | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 64  | Phan Thị Lệ Thuý       | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 65  | Lý Thị Kim Cúc         | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 66  | Nguyễn Thanh Liêm      | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 67  | Huỳnh Văn Nam          | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 68  | phạm thị hằng          | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 69  | Trương Thị Mỹ Hậu      | Khoa KHXH & NV         |
| 70  | Nguyễn Thị Thùy Trang  | Khoa KHXH & NV         |
| 71  | Nguyễn Thị Như Hồng    | Khoa KHXH & NV         |
| 72  | Nguyễn Thúy Linh       | Khoa KHXH & NV         |
| 73  | Đỗ Huyền Trang         | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 74  | Trần Thị Thanh Nhân    | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 75  | Trần Thị Vũ Tuyền      | Khoa Kinh tế & Kế toán |

| STT | Họ và tên               | Khoa/Đơn vị               |
|-----|-------------------------|---------------------------|
| 76  | Sử Thị Thu Hằng         | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 77  | Trương Thị Thanh Phượng | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 78  | Lê Thị Thanh Mỹ         | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 79  | Hoàng Mạnh Hùng         | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 80  | Nguyễn Thị Thùy Giang   | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 81  | Hoàng Thị Hoài Hương    | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 82  | Trần Thị Cẩm Thanh      | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 83  | Trần Thị Yến            | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 84  | Nguyễn Văn Trâm         | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 85  | Trần Thị Bích Duyên     | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 86  | Lê Nữ Như Ngọc          | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 87  | Nguyễn Thị Thùy Linh    | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 88  | Lê Thị Thanh Nhật       | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 89  | Ngô Thị Thanh Thúy      | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 90  | Lê Văn Tân              | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 91  | Lê Trần Hạnh Phương     | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 92  | Trần Thị Quanh          | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 93  | Trần Thu Vân            | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 94  | Đào Vũ Phương Linh      | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 95  | Bùi Thị Thanh Hiền      | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 96  | Nguyễn Trà Ngọc Vy      | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 97  | Lê Xuân Quỳnh           | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 98  | Phạm Thị Lai            | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 99  | Trần Xuân Quân          | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 100 | Lê Mộng Huyền           | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 101 | nguyễn Thị Kim Tuyền    | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 102 | Lê Vũ Tường Vy          | Khoa Kinh tế & Kế toán    |
| 103 | Nguyễn Tấn Quỳnh        | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 104 | Ngô Minh Khoa           | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 105 | Ngô Văn Tâm             | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 106 | Nguyễn Văn Anh          | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 107 | Nguyễn Ngọc Thắng       | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 108 | Nguyễn Tuấn             | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 109 | Nguyễn Tường Thành      | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 110 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên  | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 111 | Trần Thị Hiền Lương     | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 112 | Vương Thúy Trinh        | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 113 | Hoàng Vũ Quỳnh Hoa      | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 114 | Vũ Thị Thuý Hằng        | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 115 | Nguyễn Thị Quỳnh Hoa    | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 116 | Tạ Thị Yến              | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 117 | Nguyễn Thị Ngọc Thùy    | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |

| STT | Họ và tên            | Khoa/Đơn vị       |
|-----|----------------------|-------------------|
| 118 | Võ Hoàng Châu        | Khoa Ngoại ngữ    |
| 119 | Đặng Thị Thanh Ngân  | Khoa Ngoại ngữ    |
| 120 | Nguyễn Thanh Quang   | Khoa Ngoại ngữ    |
| 121 | Đinh Thị Như Ý       | Khoa Ngoại ngữ    |
| 122 | Hồ Thị Ngọc Hà       | Khoa Ngoại ngữ    |
| 123 | Trần Minh Chương     | Khoa Ngoại ngữ    |
| 124 | Lê Hữu Lộc           | Khoa Ngoại ngữ    |
| 125 | Nguyễn Thị Thanh Hà  | Khoa Ngoại ngữ    |
| 126 | Nguyễn Lương Hạ Liên | Khoa Ngoại ngữ    |
| 127 | Hồ Phương Tâm        | Khoa Ngoại ngữ    |
| 128 | Bùi Thị Hương Giang  | Khoa Ngoại ngữ    |
| 129 | Lê Thị Xinh          | Khoa Sư phạm      |
| 130 | Nguyễn Thị Ngọc Mẫn  | Khoa Sư phạm      |
| 131 | Lê Thị Lành          | Khoa Sư phạm      |
| 132 | Nguyễn Văn Đại       | Khoa Sư phạm      |
| 133 | Vũ Thị Nữ            | Khoa TC-NH & QTKD |
| 134 | Trần Thanh Phong     | Khoa TC-NH & QTKD |
| 135 | Nguyễn Thị Bích Liễu | Khoa TC-NH & QTKD |
| 136 | Trần Hoàng Phú       | Khoa TC-NH & QTKD |
| 137 | Lê Việt An           | Khoa TC-NH & QTKD |
| 138 | Phạm Thị Thùy Duyên  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 139 | Phạm Thị Thúy Hằng   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 140 | Lê Dzu Nhật          | Khoa TC-NH & QTKD |
| 141 | Phạm Ngọc Ánh        | Khoa TC-NH & QTKD |
| 142 | Phạm Thị Bích Duyên  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 143 | Nguyễn Hoàng Phong   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 144 | Trần Thị Thanh Diệu  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 145 | Nguyễn Hoàng Thịnh   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 146 | Đặng Nguyên Bảo      | Khoa TC-NH & QTKD |
| 147 | Bùi Thị Thu Ngân     | Khoa TC-NH & QTKD |
| 148 | Trịnh Thị Thuý Hồng  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 149 | Trần Thị Diệu Hường  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 150 | Nguyễn Hà Thanh Thảo | Khoa TC-NH & QTKD |
| 151 | Nguyễn Hữu Trúc      | Khoa TC-NH & QTKD |
| 152 | Phạm Trần Trúc Viên  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 153 | Đặng Thị Ngọc Hà     | Khoa TC-NH & QTKD |
| 154 | Phạm Thị Hường       | Khoa TC-NH & QTKD |
| 155 | Hoàng Thị Bích Ngọc  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 156 | Nguyễn Thị Huỳnh Nhã | Khoa TC-NH & QTKD |
| 157 | Nguyễn Thị Hạnh      | Khoa TC-NH & QTKD |
| 158 | Phan Thị Quốc Hương  | Khoa TC-NH & QTKD |
| 159 | Kiều Thị Hường       | Khoa TC-NH & QTKD |

| STT | Họ và tên             | Khoa/Đơn vị                 |
|-----|-----------------------|-----------------------------|
| 160 | Đặng Thị Thanh Loan   | Khoa TC-NH & QTKD           |
| 161 | Lê Thanh Hiếu         | Khoa Toán & Thống kê        |
| 162 | Nguyễn Hữu Trọn       | Khoa Toán & Thống kê        |
| 163 | Cao Tấn Bình          | Khoa Toán & Thống kê        |
| 164 | Trần Ngọc Nguyên      | Khoa Toán & Thống kê        |
| 165 | Lê Khắc Nhuận         | Khoa Toán & Thống kê        |
| 166 | Lê Phương Thảo        | Khoa Toán & Thống kê        |
| 167 | Nguyễn Tòng Xuân      | Khoa Toán & Thống kê        |
| 168 | Nguyễn Văn Vũ         | Khoa Toán & Thống kê        |
| 169 | Nguyễn Văn Thành      | Khoa Toán & Thống kê        |
| 170 | Phạm Thành Tuấn       | Phòng CTSV & QHDN           |
| 171 | Nguyễn Thị Quý        | Phòng CTSV & QHDN           |
| 172 | Đặng Tiểu Bình        | Phòng CTSV & QHDN           |
| 173 | Võ Thị Thu Trang      | Phòng Đào tạo               |
| 174 | Đỗ Văn Tuấn           | Phòng Đào tạo               |
| 175 | Mai Lê Quý Đôn        | Phòng Hành chính - Tổng hợp |
| 176 | Lê Thị Minh Hiền      | Phòng Hành chính - Tổng hợp |
| 177 | Trần Kim Khánh        | Phòng Hành chính - Tổng hợp |
| 178 | Phạm Nguyễn Đình Tuấn | Phòng Kế hoạch - Tài chính  |
| 179 | Nguyễn Minh Hải       | Phòng Kế hoạch - Tài chính  |
| 180 | Đặng Hồng Vương       | Phòng Kế hoạch - Tài chính  |
| 181 | Huỳnh Ngọc Anh Thư    | Phòng Kế hoạch - Tài chính  |
| 182 | Nguyễn Xuân Hồng      | Phòng KHCN & HTQT           |
| 183 | Hoàng Thị Hằng        | Phòng KHCN & HTQT           |
| 184 | Nguyễn Thị Kim Thương | Phòng KT & BĐCL             |
| 185 | Đặng Thiên Thanh      | Phòng KT & BĐCL             |
| 186 | Nguyễn Thành Chiến    | Phòng KT & BĐCL             |
| 187 | Lê Hoa Kỳ             | Phòng KT & BĐCL             |
| 188 | Nguyễn Thị Kim Ánh    | Phòng Tổ chức - Nhân sự     |
| 189 | Lê Văn Lợi            | Trung tâm GDQP & AN         |
| 190 | Nguyễn Thành Đạt      | Trung tâm Số & Học liệu     |
| 191 | Lương Quang Năng      | Trung tâm Số & Học liệu     |
| 192 | Đinh Thị Hằng         | Trung tâm Số & Học liệu     |
| 193 | Phạm Quốc Tuấn        | Trung tâm Số & Học liệu     |
| 194 | Nguyễn Hoài Bảo       | Trung tâm Số & Học liệu     |
| 195 | Hồ Anh Tuấn           | Trung tâm Số & Học liệu     |
| 196 | Lê Xuân Ngọc          | Trung tâm Số & Học liệu     |
| 197 | Nguyễn Thị Thanh Nhân | Văn phòng Đảng - Đoàn thể   |
| 198 | Trần Lê Ánh Nguyệt    | Văn phòng Đảng - Đoàn thể   |
| 199 | Nguyễn Thị Hà         | Viện Khoa học giáo dục      |

**Tổng cộng: 199 người**

## 2. Người học

| STT | Họ và tên              | Mã sinh viên | Khoa/Đơn vị              |
|-----|------------------------|--------------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Nhật Khánh      | 4651050118   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 2   | Nguyễn Khánh Dương     | 4651050044   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 3   | Nguyễn Tú Cường        | 4751050026   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 4   | Võ Trọng Khải          | 4751050127   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 5   | Võ Minh Khải           | 4751190017   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 6   | Dương Tiểu Linh        | 4854100024   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 7   | Văn Thị Minh Thư       | 4654100020   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 8   | Nguyễn Duy Tân         | 4751050275   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 9   | Nguyễn Vũ Hoàng Đức    | 4551050046   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 10  | Nguyễn Hà Gia Bảo      | 4751050012   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 11  | Nguyễn Trung Tuấn Hào  | 4751050069   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 12  | Nguyễn Tấn Hùng        | 4651050107   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 13  | Phạm Thành Danh        | 4751050029   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 14  | Đoàn Lê Hưng           | 4751050117   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 15  | Nguyễn Hồ Ánh Tuyết    | 4851050169   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 16  | Cao Thanh Vương        | 4451190071   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 17  | Phạm Văn Hương         | 4551050086   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 18  | Văn Minh Thanh Thiệu   | 4651050251   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 19  | Đoàn Nguyễn Gia Hưng   | 4651050108   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 20  | Cao Thị Thanh Ngân     | 4651050167   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 21  | Trần Trung Trực        | 4854100053   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 22  | Phan Ngọc Trúc My      | 4751050192   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 23  | Phạm Nguyễn Xuân Hiếu  | 4751050089   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 24  | Nguyễn Văn Minh        | 4651050158   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 25  | Nguyễn Thị Thu Thảo    | 4751050283   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 26  | Bùi Long Chí           | 4751190004   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 27  | Nguyễn Thị Ái Nhi      | 4751050220   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 28  | Lê Thị Thanh Trúc      | 4851050157   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 29  | Trần vũ xuân viên      | 4751050364   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 30  | Nguyễn Vũ Trung Nguyên | 4751050208   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 31  | Đỗ Lê Khai Hy          | 4751050123   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 32  | Đặng Văn Trọng         | 4751190039   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 33  | Đỗ Chính Trực          | 4651050300   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 34  | Nguyễn Thị Mỹ Thơ      | 4651050257   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 35  | Phan Thị Mỹ Hội        | 4651050364   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 36  | Trần Huyền Trinh       | 4551050236   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 37  | Đặng Văn Tiến          | 4651050268   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 38  | Phạm Thế Khang         | 4854100019   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 39  | Nguyễn Thị Thúy Lành   | 4651050136   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 40  | Nguyễn Đình Viễn       | 4551050254   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 41  | Nguyễn Trọng Nhân      | 4751050215   | Khoa Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên              | Mã sinh viên | Khoa/Đơn vị              |
|-----|------------------------|--------------|--------------------------|
| 42  | Trần Quỳnh Chi         | 4551050012   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 43  | Nguyễn Xuân Quy        | 4651050219   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 44  | Nguyễn Thu Thảo        | 4751050282   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 45  | Nguyễn Tiên            | 4651050265   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 46  | Nguyễn Thị Mỹ Nga      | 4754100018   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 47  | Đỗ Thành Đạt           | 4751050051   | Khoa Công nghệ thông tin |
| 48  | Cao Thanh Hoàng        | 4451140022   | Khoa Toán & Thống kê     |
| 49  | Dương Huỳnh Anh Thư    | 4759010188   | Khoa GDTH & MN           |
| 50  | Nguyễn Thảo Nhi        | 4859010131   | Khoa GDTH & MN           |
| 51  | Đinh Thị Nam Phương    | 4859010145   | Khoa GDTH & MN           |
| 52  | Trần Thị Cẩm Tú        | 4759010230   | Khoa GDTH & MN           |
| 53  | Tô Lê Xuân Mai         | 4759010093   | Khoa GDTH & MN           |
| 54  | Đỗ Đoàn Ngọc Trâm      | 4659010170   | Khoa GDTH & MN           |
| 55  | Trần Thị Linh Chi      | 4659010012   | Khoa GDTH & MN           |
| 56  | Rah Lan H' Thuật       | 4659010150   | Khoa GDTH & MN           |
| 57  | Mai Thị Thu Hằng       | 4659010032   | Khoa GDTH & MN           |
| 58  | Hà Phương Thảo         | 4759010172   | Khoa GDTH & MN           |
| 59  | Lê Mai Phương          | 4659010118   | Khoa GDTH & MN           |
| 60  | Lê Thị Thu Huyền       | 4559010073   | Khoa GDTH & MN           |
| 61  | Phạm Thị Linh Châu     | 4559010016   | Khoa GDTH & MN           |
| 62  | Nguyễn Thị Cẩm Tú      | 4559010199   | Khoa GDTH & MN           |
| 63  | Hồ Thị Ngọc Liên       | 4559010090   | Khoa GDTH & MN           |
| 64  | Trần Thị Nguyệt Nhi    | 4559010127   | Khoa GDTH & MN           |
| 65  | Nguyễn Ngọc Huyền Diệu | 4559010024   | Khoa GDTH & MN           |
| 66  | Đàng Nữ Phương Nhi     | 4859010124   | Khoa GDTH & MN           |
| 67  | Hồ Ánh Tuyết           | 4759010226   | Khoa GDTH & MN           |
| 68  | Nguyễn Thị Phương Ngân | 4759030051   | Khoa GDTH & MN           |
| 69  | Lê Khánh Vy            | 4859010237   | Khoa GDTH & MN           |
| 70  | Đặng Hữu Minh Phú      | 4859030108   | Khoa GDTH & MN           |
| 71  | Nguyễn Ngọc Quỳnh Như  | 4759010140   | Khoa GDTH & MN           |
| 72  | Ngô Ngọc Khánh Duyên   | 4859010024   | Khoa GDTH & MN           |
| 73  | Đặng Thị Mỹ Tâm        | 4859030127   | Khoa GDTH & MN           |
| 74  | Hà Thị Yến Nhi         | 4859010127   | Khoa GDTH & MN           |
| 75  | Lê Thị Hậu             | 4659010040   | Khoa GDTH & MN           |
| 76  | Nguyễn Lê Diễm Quỳnh   | 4559010150   | Khoa GDTH & MN           |
| 77  | Dương Thị Ngọc Anh     | 4859010004   | Khoa GDTH & MN           |
| 78  | Vô Thị Ái Sương        | 4659010128   | Khoa GDTH & MN           |
| 79  | Đặng Thị Minh Nguyệt   | 4659010099   | Khoa GDTH & MN           |
| 80  | Nguyễn Vũ Ngân         | 4859010110   | Khoa GDTH & MN           |
| 81  | Lương Ngọc Minh Châu   | 4859010012   | Khoa GDTH & MN           |
| 82  | Trần Lê Yến Nhi        | 4859010134   | Khoa GDTH & MN           |
| 83  | Y Ánh Tuyết            | 4659010177   | Khoa GDTH & MN           |

| STT | Họ và tên               | Mã sinh viên | Khoa/Đơn vị            |
|-----|-------------------------|--------------|------------------------|
| 84  | Đặng Thị Thùy An        | 4859010002   | Khoa GDTH & MN         |
| 85  | Trần Nguyễn Trà My      | 4759030046   | Khoa GDTH & MN         |
| 86  | Đỗ Thị Kỳ Diên          | 4859010018   | Khoa GDTH & MN         |
| 87  | A Na                    | 4759020011   | Khoa giáo dục thể chất |
| 88  | Nguyễn Ngọc Hoài Thương | 4752020068   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 89  | Ksor Y Phong            | 4852050031   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 90  | Lê Đỗ Kiều Duyên        | 4752060122   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 91  | Nguyễn Ngọc Bảo Trân    | 4752060073   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 92  | Nguyễn Thị Ngọc Sinh    | 4752060054   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 93  | Nguyễn Lê Bảo Trâm      | 4752060081   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 94  | Nguyễn lê hoàng hậu     | 4752060017   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 95  | Mạc Thị Mỹ Hạnh         | 4652030014   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 96  | Phạm Bùi Nhật Triều     | 4652070108   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 97  | Đào Gia Khang           | 4852050018   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 98  | Nguyễn Thành Danh       | 4852050004   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 99  | Trần Thu Trang          | 4652050012   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 100 | Nguyễn Quốc Tú          | 4652030073   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 101 | Đặng Hoàng La           | 4752020047   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 102 | Nguyễn Thị Kim Quý      | 4653030016   | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 103 | Huỳnh Văn Duy           | 4756110013   | Khoa KHXH & NV         |
| 104 | Nguyễn Đăng Khoa        | 4656060019   | Khoa KHXH & NV         |
| 105 | Tô Thanh Thanh          | 4856130071   | Khoa KHXH & NV         |
| 106 | Nguyễn Thị Vân My       | 4756110044   | Khoa KHXH & NV         |
| 107 | Võ Thị Quỳnh Như        | 4856050045   | Khoa KHXH & NV         |
| 108 | Nguyễn Lê Kiều My       | 4756050046   | Khoa KHXH & NV         |
| 109 | Huỳnh Nhật Tấn Hải      | 4856050012   | Khoa KHXH & NV         |
| 110 | Trần Yến Như            | 4856130057   | Khoa KHXH & NV         |
| 111 | Nguyễn Đức Hồng Nhân    | 4856130048   | Khoa KHXH & NV         |
| 112 | Lữ Thị Thu Hiền         | 4756080023   | Khoa KHXH & NV         |
| 113 | Huỳnh Đào Phương Thảo   | 4756080101   | Khoa KHXH & NV         |
| 114 | Nguyễn Ngọc Bảo Hoài    | 4856110016   | Khoa KHXH & NV         |
| 115 | Phạm Thị Thiên Nga      | 4656130048   | Khoa KHXH & NV         |
| 116 | Nguyễn Gia Bảo          | 4656080003   | Khoa KHXH & NV         |
| 117 | Đào Nguyễn Nhật Quỳnh   | 4654040266   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 118 | Nguyễn Ngụy Thanh Trúc  | 4654040222   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 119 | Huỳnh Thị Thanh Nhi     | 4554040159   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 120 | Phùng Ngọc Huy          | 4754030030   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 121 | Hoàng Ngọc Linh         | 4654030034   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 122 | Lê Thị Chi Linh         | 4854080018   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 123 | Nguyễn Thị Thanh Phương | 4554080043   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 124 | Hoàng Kim Tuyến         | 4654030092   | Khoa Kinh tế & Kế toán |
| 125 | Nguyễn Ngọc Hiệu        | 4754030023   | Khoa Kinh tế & Kế toán |

| STT | Họ và tên              | Mã sinh viên | Khoa/Đơn vị               |
|-----|------------------------|--------------|---------------------------|
| 126 | Nguyễn Trí Mỹ          | 4851180060   | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 127 | Trần Trung Thành       | 4551170069   | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 128 | Nguyễn Đào Duy Tân     | 4851200061   | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 129 | Nguyễn Đức Thắng       | 4751170106   | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 130 | Nguyễn Thế Hiếu        | 4851180025   | Khoa Kỹ thuật & Công nghệ |
| 131 | Lê Kiều My             | 4656120088   | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 132 | Nguyễn Nhật Linh       | 4756120083   | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 133 | Văn Lê Đức Nhã         | 4756120115   | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 134 | Nguyễn Minh Kiên       | 4856100032   | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 135 | Đỗ Ngọc Hân            | 4856100019   | Khoa LLCT - Luật & QLNN   |
| 136 | Phạm Minh Huy          | 4557510075   | Khoa ngoại ngữ            |
| 137 | Triệu Anh Thư          | 4857510228   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 138 | Nguyễn Thị Tú Trinh    | 4757520076   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 139 | Đỗ Thị Mỹ Lệ           | 4657520014   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 140 | Huỳnh Thị Hồng Anh     | 4657510001   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 141 | Đặng Duy Thiết         | 4757520058   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 142 | Bùi Thùy Nhung         | 4757520049   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 143 | Ngô Quốc Trung         | 4757520078   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 144 | Nguyễn Ngọc Huyền My   | 4657520019   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 145 | Hoàng Nguyễn Thùy Linh | 4857510091   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 146 | Đỗ Trần Thanh Thiên    | 4557510226   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 147 | Cao Thị Ánh Nguyệt     | 4657510156   | Khoa Ngoại ngữ            |
| 148 | Phạm Hồng Bảo Trân     | 4457010456   | Khoa Sư phạm              |
| 149 | Huỳnh Cẩm Ly           | 4851130056   | Khoa Sư phạm              |
| 150 | Trần Diệp Anh Thư      | 4756040014   | Khoa Sư phạm              |
| 151 | Hoàng Thị Phương Thảo  | 4451130031   | Khoa Sư phạm              |
| 152 | Phù Gia Hân            | 4756020005   | Khoa Sư phạm              |
| 153 | Nguyễn Thanh Nhã       | 4851130076   | Khoa Sư phạm              |
| 154 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 4756040019   | Khoa Sư phạm              |
| 155 | Trịnh Nguyễn Hiền Nhi  | 4857010118   | Khoa Sư phạm              |
| 156 | Nguyễn Thu Thủy        | 4858020096   | Khoa Sư phạm              |
| 157 | Trần Khả Tâm           | 4857010158   | Khoa Sư phạm              |
| 158 | Nguyễn Hải Nhi         | 4756040010   | Khoa Sư phạm              |
| 159 | Tăng Ngọc Hải          | 4751130017   | Khoa Sư phạm              |
| 160 | Bùi Thị Thảo Vy        | 4757010085   | Khoa Sư phạm              |
| 161 | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | 4858020089   | Khoa Sư phạm              |
| 162 | Trương Khánh Ngân      | 4757010042   | Khoa Sư phạm              |
| 163 | Nguyễn Thế Vũ          | 4656020018   | Khoa Sư phạm              |
| 164 | Nguyễn Khánh Ngừ       | 4557010092   | Khoa Sư phạm              |
| 165 | Lê Mạnh Thắng          | 4851130097   | Khoa Sư phạm              |
| 166 | Vô Hoàng Đạt           | 4658010026   | Khoa Sư phạm              |
| 167 | Nguyễn Đắc Tài         | 4651010013   | Khoa Sư phạm              |

| STT | Họ và tên               | Mã sinh viên | Khoa/Đơn vị       |
|-----|-------------------------|--------------|-------------------|
| 168 | Ngô Thị Tứ Lộc          | 4857010082   | Khoa Sư phạm      |
| 169 | Nguyễn Trọng Bình       | 4651010003   | Khoa Sư phạm      |
| 170 | Đoàn Thị Nhật Thi       | 4658010130   | Khoa Sư phạm      |
| 171 | Phùng Gia Bảo           | 4651010002   | Khoa Sư phạm      |
| 172 | Nguyễn Ngọc Tiến Thành  | 4757010062   | Khoa Sư phạm      |
| 173 | Đinh Thái Phương Thảo   | 4858020088   | Khoa Sư phạm      |
| 174 | Huỳnh Thị Thuỳ Trâm     | 4458020066   | Khoa Sư phạm      |
| 175 | Trần Lê Thảo Nguyên     | 4857010112   | Khoa Sư phạm      |
| 176 | Nguyễn Trần Uyên Thùy   | 4657010066   | Khoa Sư phạm      |
| 177 | Trần Nguyễn Hoài Thương | 4756040015   | Khoa Sư phạm      |
| 178 | Huỳnh Thị Thuỳ Dương    | 4753010002   | Khoa Sư phạm      |
| 179 | Nguyễn Thị Sông Tuyền   | 4857010183   | Khoa Sư phạm      |
| 180 | Nguyễn Nam Tâm Phúc     | 4551130010   | Khoa Sư phạm      |
| 181 | Phùng Thị Phương Thảo   | 4751020014   | Khoa Sư phạm      |
| 182 | Dương Hồng Quân         | 4851020054   | Khoa Sư phạm      |
| 183 | Nguyễn Quỳnh Ngọc Anh   | 4852010001   | Khoa Sư phạm      |
| 184 | Trần Nam Quốc Phú       | 4852010016   | Khoa Sư phạm      |
| 185 | Trịnh Phương Linh       | 4851130049   | Khoa Sư phạm      |
| 186 | Nguyễn Trần Bảo Khánh   | 4857010061   | Khoa Sư phạm      |
| 187 | Hà Châu Anh             | 4857010002   | Khoa Sư phạm      |
| 188 | Trần Thị Thanh Hiền     | 4856010031   | Khoa Sư phạm      |
| 189 | Nguyễn Kiều Trinh       | 4751010017   | Khoa Sư phạm      |
| 190 | Đặng Mai Quỳnh          | 4558010050   | Khoa Sư phạm      |
| 191 | Nguyễn Sanh Lợi         | 4754090081   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 192 | Trần Minh Tú Nhi        | 4654090069   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 193 | Đặng Hữu Lợi            | 4654050048   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 194 | Đoàn Thị Yến Vi         | 4754060162   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 195 | Võ Thuỳ Trang           | 4654050107   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 196 | Nguyễn Thị Anh Thư      | 4854050087   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 197 | Nguyễn hồng phúc        | 4654010167   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 198 | Nguyễn Thị Thu Thảo     | 4654060095   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 199 | Trịnh Ngân Hà           | 4654090018   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 200 | Nguyễn Quỳnh Như        | 4654070110   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 201 | Trương Đình Trí         | 4554010207   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 202 | Trần Thị Thu Hường      | 4754090060   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 203 | Hồ Thành Nhân           | 4754010152   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 204 | Bùi Thị Bích Hợp        | 4654090151   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 205 | Phan Thị Mỹ Duyên       | 4754010034   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 206 | Lại Thị Diễm Thương     | 4554090092   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 207 | Nguyễn Minh Tiến        | 4654050103   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 208 | Phạm Bảo Trân           | 4754090195   | Khoa TC-NH & QTKD |
| 209 | Lê Thị Nguyệt           | 4754010148   | Khoa TC-NH & QTKD |

| STT | Họ và tên              | Mã sinh viên | Khoa/Đơn vị          |
|-----|------------------------|--------------|----------------------|
| 210 | Mai Thu Huyền          | 4754010074   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 211 | Võ Thị Kim Oanh        | 4754060084   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 212 | Trần Bùi Ngọc Vạn      | 4754050094   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 213 | Phan Bảo Trân          | 4654010259   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 214 | Huỳnh Bảo Ngân         | 4854090086   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 215 | Hồ Nguyễn Phượng Tiên  | 4654010236   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 216 | Nguyễn Hồ Bảo Nhi      | 4854090104   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 217 | Nguyễn Cao Xuân Nhân   | 4854090102   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 218 | Mai Thị Gia Hân        | 4754010051   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 219 | Ôn Lang Chung My       | 4654010126   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 220 | Đặng Thị Thúy Hà       | 4654010045   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 221 | Lê Như Quỳnh           | 4654060088   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 222 | Võ Lữ Thủy Hằng        | 4654090024   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 223 | Nguyễn Thị Kim Đồng    | 4854090017   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 224 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh | 4654090122   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 225 | Lê Nguyễn Trâm Anh     | 4654070001   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 226 | Võ Thị Huyền Dung      | 4654050008   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 227 | Trần Phúc Tài          | 4654060092   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 228 | Trương Thanh Toàn      | 4754050078   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 229 | Trần Văn Trí           | 4554090105   | Khoa TC-NH & QTKD    |
| 230 | Phạm Dương Bảo         | 4851140004   | Khoa Toán & Thống kê |
| 231 | Huỳnh Thanh Ngân       | 4851140035   | Khoa Toán & Thống kê |
| 232 | Trần Trương Phú Mỹ     | 4851140034   | Khoa Toán & Thống kê |
| 233 | Nguyễn Mạnh Tấn        | 4751140028   | Khoa Toán & Thống kê |
| 234 | Hà Thanh Bắc           | 8282548001   | Khoa Toán & Thống kê |
| 235 | Hà Thúy Phương         | 4754110032   | Khoa Toán & Thống kê |
| 236 | Nguyễn Phạm Khánh Toàn | 4851140056   | Khoa Toán & Thống kê |

**Tổng cộng: 236 người**